

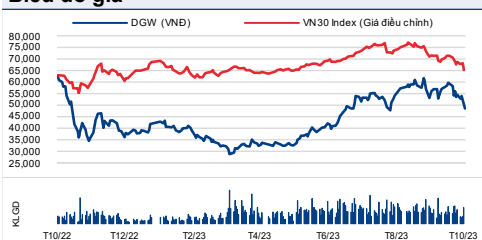
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ52,600
Tiềm năng tăng/giảm: 8.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/10/2023)	48,550
Mã Bloomberg	DGW VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,226-61,567
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	51,930
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,917
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	322
Slg CP lưu hành (tr.đv)	163
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	79.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	38.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	25.7%
Tỷ lệ freefloat	49.6%
Cổ đông lớn	Created Future (34.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	22,028	19,029	21,569
EBITDA đc (tỷ đồng)	894	582	803
LNTT (tỷ đồng)	862	499	651
LNT ĐC (tỷ đồng)	684	392	512
FCF (tỷ đồng)	(1,189)	669	863
EPS ĐC (đồng)	4,193	2,403	3,105
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
BVPS (đồng)	14,682	16,085	18,099
T.trưởng EBITDA (%)	15.5	(34.9)	38.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.49	(42.7)	29.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.06	3.06	3.72
Tỷ suất LNTT (%)	3.91	2.62	3.02
Tỷ suất LNT ĐC (%)	3.10	2.06	2.37
Tỷ lệ LN trả CT (%)	23.8	41.6	32.2
Nợ thuần/VCSH (%)	51.1	28.7	0.01
ROAE (%)	32.7	15.6	18.2
ROACE (%)	-	-	26.9
EV/doanh thu (lần)	0.41	0.45	0.36
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.1	14.6	9.72
P/E ĐC (lần)	11.6	20.2	15.6
P/B (lần)	3.31	3.02	2.68
Lợi suất cổ tức (%)	2.06	2.06	2.06

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGW là nhà cung cấp dịch vụ mở rộng thị trường cho các công ty công nghệ và hàng tiêu dùng. Các mảng kinh doanh chính: điện thoại di động, máy tính xách tay và máy tính bảng, thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng và chăm sóc sức khỏe.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Kết quả Q3/2023 cải thiện so với quý trước nhờ doanh thu máy tính xách tay

- Lợi nhuận thuần Q3/2023 của DGW giảm 43% so với cùng kỳ nhưng tăng 23% so với quý trước đạt 102 tỷ đồng nhờ doanh thu máy tính xách tay rất tích cực trong mùa tựu trường. Kết quả này sát với dự báo của chúng tôi.
- Doanh thu thuần trong quý giảm 12%, chủ yếu do doanh thu điện thoại di động yếu trong khi tỷ suất lợi nhuận ở mức thấp do giá bán giảm và DGW thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi.
- DGW đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,2 lần, cao hơn 0,4 lần độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức 13,7 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2023

DGW công bố KQKD Q3/2023 với doanh thu thuần đạt 5.413 tỷ đồng (giảm 11% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 102 tỷ đồng (giảm 43% so với cùng kỳ). Doanh thu thuần cao hơn dự báo (5.184 tỷ đồng) – nhờ doanh thu máy tính xách tay và máy tính bảng cao hơn ước tính trong khi doanh thu điện thoại di động yếu hơn kỳ vọng – trong khi lợi nhuận thuần khá sát với dự báo của chúng tôi (98 tỷ đồng).

Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 18% và 23% so với quý trước nhờ doanh thu máy tính xách tay (tăng 79% trong mùa tựu trường Q3/2023) và thiết bị văn phòng (tăng 25% so với quý trước). Chúng tôi trước đó đã kỳ vọng kết quả sẽ cải thiện so với quý trước nhờ yếu tố mùa vụ và khả năng các doanh nghiệp bán lẻ điện máy sẽ không tiếp tục giảm giá bán.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần đạt 13.969 tỷ đồng (giảm 22% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 265 tỷ đồng (giảm 50% so với cùng kỳ), đạt lần lượt 73% & 68% so với dự báo của HSC cho cả năm 2023 và sát với dự báo cho 9 tháng đầu năm.

Máy tính xách tay và máy tính bảng: Động lực tăng trưởng chính và vượt dự báo

Doanh thu máy tính xách tay và máy tính bảng đạt 2.398 tỷ đồng, mặc dù giảm 2% so với cùng kỳ nhưng vẫn tích cực hơn so với doanh thu điện thoại di động (giảm 26% so với cùng kỳ), đồng thời đóng góp mạnh nhất vào tổng doanh thu thuần (44%). So với Q2/2023, doanh thu tăng mạnh 79% nhờ nhu cầu gia tăng trong mùa tựu trường.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2023, DGW

Tỷ đồng	Q3/22	Q3/23	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	Q3/23F	Thực tế so với dự báo HSC
Doanh thu thuần	6,065	5,413	-11%	18%	5,184	104%
Lợi nhuận gộp	406	385	-5%	-2%		
Chi phí BH&QL	(188)	(262)	40%	-7%		
Lãi (lỗ) tài chính ròng	8	8	3%	-1488%		
LNTT	227	134	-41%	20%		
Lợi nhuận thuần	180	102	-43%	23%	98	105%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	6.7%	7.1%				
Chi phí BH&QL/DT	3.1%	4.8%				
Tỷ suất lợi nhuận thuần	3.0%	1.9%			1.9%	

Nguồn: DGW, HSC

Doanh thu thực hiện cao hơn 20% so với dự báo của chúng tôi ở mức 2.000 tỷ đồng. Trên thực tế, HSC cho rằng nhu cầu đổi với máy tính xách tay sẽ tăng lên vì nhu cầu trong mùa tựu trường sẽ được duy trì ổn định vì những sản phẩm này đã trở nên thiết yếu với học sinh & sinh viên.

Doanh thu điện thoại di động thấp hơn dự báo do nhu cầu vẫn yếu

Trong Q3/2023, doanh thu điện thoại di động giảm 26% so với cùng kỳ và giảm 19% so với quý trước mặc dù iPhone 15 đã bắt đầu đóng góp doanh thu một số ngày trong quý. Điều này cho thấy nhu cầu điện thoại di động vẫn chưa tăng lên như chúng tôi dự đoán. HSC dự báo doanh thu điện thoại di động Q3/2023 đạt 2.023 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ nhưng kết quả thực hiện thấp hơn 12% so với dự báo.

Tỷ suất lợi nhuận thuần giảm so với cùng kỳ xuống còn 1,9%

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng nhẹ lên 7,1% trong Q3/2023 (so với 6,7% trong Q2/2022) nhờ tỷ trọng các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao tăng lên, chẳng hạn như hàng tiêu dùng và thiết bị của Achison (sản phẩm thiết bị bảo hộ lao động mới được phân phối). Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp vẫn giảm so với Q2/2023 (ở mức 8,6%).

Trong khi đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng lên 4,8% (so với 3,1% trong Q3/2022) do Công ty tăng cường chi cho hoạt động khuyến mãi để đẩy mạnh doanh số trong bối cảnh nhu cầu yếu hiện nay.

Từ đó, tỷ suất lợi nhuận thuần giảm xuống 1,9% (so với 3% trong Q3/2022) nhưng tương đương Q2/2023 (ở mức 1,8%).

Bảng CĐKT và dòng tiền cải thiện

Tại thời điểm ngày 30/9/2023, nợ thuần của DGW giảm 66% so với cùng kỳ và 42% so với quý trước xuống 470 tỷ đồng. Mặc dù các khoản phải thu (các đơn vị bán lẻ khác) tăng 10% so với cùng kỳ và tăng 6% so với quý trước, nhưng hàng tồn kho (giảm 17% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước) giảm và các khoản phải trả (tăng 8% so với cùng kỳ và 21% so với quý trước) tăng lên, vốn lưu động của Công ty giảm 11% so với cùng kỳ và 13% so với quý trước xuống 3.238 tỷ đồng.

Do đó, lưu chuyển tiền từ HĐKD chuyển biến tích cực trong Q3/2023 (đạt 681 tỷ đồng, tăng 17,3 lần so với cùng kỳ) và 9 tháng đầu năm 2023 (649 tỷ đồng, so với âm 1.437 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2022).

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Do KQKD Q3/2023 sát với dự báo, HSC duy trì dự báo với lợi nhuận thuần đạt 392 tỷ đồng trong năm 2023 (giảm 43%) và doanh thu thuần đạt 19.029 tỷ đồng (giảm 14%). Theo đó, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q4/2023 dự báo đạt lần lượt 127 tỷ đồng (giảm 18% so với cùng kỳ) và 5.060 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ).

Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu điện thoại di động và điện máy sẽ hồi phục trong năm 2024, đặc biệt là nửa cuối năm 2024, khi người tiêu dùng cần thay thế các sản phẩm được mua trong giai đoạn cao điểm từ tháng 6/2021-tháng 6/2022. Do đó, HSC duy trì dự báo cho năm 2024 với lợi nhuận thuần hồi phục 31% so với năm 2023.

DGW đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2023 và 2024 lần lượt là 21,9 lần và 16,9 lần, tương đương P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,2 lần, cao hơn 0,4 lần độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức 13,7 lần và cũng sát bình quân các doanh nghiệp cùng ngành tại Việt Nam cũng như khu vực.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, DGW

Tỷ đồng	Q3/22	Q3/23	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	Q3/23F	Thực tế so với dự báo HSC
Laptops & máy tính bảng	2,457	2,398	-2%	79%	2,000	120%
ĐTĐĐ	2,399	1,774	-26%	-19%	2,023	88%
Thiết bị văn phòng	908	907	0%	25%	764	119%
Điện máy	205	163	-20%	-2%	210	78%
Hàng tiêu dùng	96	171	78%	1%	187	91%
Tổng	6,065	5,413	-11%	18%	5,184	104%

Nguồn: DGW, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	20,971	22,028	19,029	21,569	23,874
Lợi nhuận gộp	1,511	1,663	1,452	1,681	1,894
Chi phí BH&QL	(822)	(858)	(954)	(968)	(1,064)
Thu nhập khác	78.7	82.7	50.0	56.7	62.7
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	768	888	548	769	893
Lãi vay thuần	(30.9)	(36.3)	(130)	(118)	(118)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(2.38)	(1.83)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	88.5	13.0	81.8	0	0
LNTT	823	862	499	651	775
Chi phí thuế TNDN	(165)	(179)	(100)	(131)	(155)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.53)	0.18	(7.55)	(9.30)	(11.1)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	657	684	392	512	609
Lợi nhuận thuần ĐC	657	684	392	512	609
EBITDA ĐC	774	894	582	803	927
EPS (đồng)	4,131	4,193	2,403	3,105	3,647
EPS ĐC (đồng)	4,131	4,193	2,403	3,105	3,647
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	88.4	163	163	165	167
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	88.4	163	163	165	167
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	159	163	163	165	167

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	1,494	828	1,536	2,096	2,586
Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	1,727	1,496	1,903	1,510	1,671
Hàng tồn kho	2,843	3,254	2,534	2,853	3,129
Các tài sản ngắn hạn khác	195	204	240	201	225
Tổng tài sản ngắn hạn	6,259	5,782	6,213	6,659	7,610
TSCĐ hữu hình	34.1	32.3	38.1	38.2	38.1
TSCĐ vô hình	60.4	63.4	67.0	66.2	65.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0.68	-	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	64.6	8.54	62.1	62.1	62.1
Tài sản dài hạn khác	130	-	349	322	294
Tổng tài sản dài hạn	289	-	517	488	460
Tổng cộng tài sản	6,548	-	6,730	7,147	8,070
Nợ ngắn hạn	1,117	1,915	2,093	1,875	2,075
Phải trả người bán	2,844	1,210	1,294	1,467	1,623
Nợ ngắn hạn khác	648	622	425	485	554
Tổng nợ ngắn hạn	4,753	3,882	4,054	4,094	4,542
Nợ dài hạn	0	41.1	5.50	5.50	5.50
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	4.18	2.91	2.91	2.91	2.91
Nợ dài hạn khác	6.06	5.86	8.13	8.13	8.13
Tổng nợ dài hạn	10.2	49.9	16.5	16.5	16.5
Tổng nợ phải trả	4,764	3,932	4,070	4,110	4,559
Vốn chủ sở hữu	1,782	2,394	2,623	2,991	3,455
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.09	28.9	36.5	45.8	56.9
Tổng vốn chủ sở hữu	1,784	2,423	2,660	3,037	3,511
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,548	6,355	6,730	7,147	8,070
BVPS (đ)	20,161	14,682	16,085	18,099	20,627
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(377)	1,128	563	(215)	(505)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	768	888	548	769	893
Khấu hao	(6.29)	(6.29)	(33.8)	(33.8)	(33.8)
Lãi vay thuần	(30.9)	(36.3)	(130)	(118)	(118)
Thuế TNDN đã nộp	(120)	(212)	(100)	(131)	(155)
Thay đổi vốn lưu động	(533)	(1,970)	280	372	(213)
Khác	55.5	149	54.7	(57.8)	(63.1)
LCT thuần từ HKKD	146	(1,176)	686	869	378
Đầu tư TS dài hạn	(12.4)	(13.2)	(17.7)	(5.81)	(6.22)
Góp vốn & đầu tư	(14.1)	(300)	8.54	0	0
Thanh lý	0.30	0	0	0	0
Khác	41.4	52.6	51.3	58.0	64.0
LCT thuần từ HĐĐT	15.1	(260)	42.2	52.2	57.8
Cổ tức trả cho CSH	(44.2)	(90.6)	(163)	(165)	(167)
Thu từ phát hành CP	12.0	22.0	0	22.0	22.0
Tăng/giảm nợ	488	838	143	(218)	200
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	455	770	(20.3)	(361)	54.9
Tiền & tương đương tiền đầu kì	878	1,494	828	1,536	2,096
LCT thuần trong kỳ	616	(667)	708	560	490
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	(0.00)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,494	828	1,536	2,096	2,586
Dòng tiền tự do	133	(1,189)	669	863	371

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.21	7.55	7.63	7.79	7.93
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.69	4.06	3.06	3.72	3.88
Tỷ suất LNT (%)	3.13	3.10	2.06	2.37	2.55
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	20.7	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	67.3	5.04	(13.6)	13.4	10.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	140	15.5	(34.9)	38.1	15.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	146	4.01	(42.7)	30.6	19.0
Tăng trưởng EPS (%)	139	1.49	(42.7)	29.3	17.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	139	1.49	(42.7)	29.3	17.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	24.2	23.8	41.6	32.2	27.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	44.7	32.7	15.6	18.2	18.9
ROACE (%)	51.9	-	-	26.9	27.1
Vòng quay tài sản (lần)	4.36	-	-	3.11	3.14
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.19	(1.33)	1.25	1.13	0.42
Số ngày tồn kho	53.3	58.3	52.6	52.4	52.0
Số ngày phải thu	32.4	26.8	39.5	27.7	27.8
Số ngày phải trả	53.4	21.7	26.9	26.9	27.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(17.1)	51.1	28.7	0.01	(7.71)
Nợ/tài sản (%)	18.2	32.3	34.0	29.3	28.7
EBIT/lãi vay (lần)	24.8	24.4	4.20	6.52	7.60
Nợ/EBITDA (lần)	1.54	2.30	3.93	2.61	2.50
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.32	1.49	1.53	1.63	1.68
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.19	0.41	0.45	0.36	0.32
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.06	10.1	14.6	9.72	8.23
P/E (lần)	11.8	11.6	20.2	15.6	13.3
P/E ĐC (lần)	11.8	11.6	20.2	15.6	13.3
P/B (lần)	2.41	3.31	3.02	2.68	2.35
Lợi suất cổ tức (%)	2.06	2.06	2.06	2.06	2.06

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn